

NGÂN HÀNG TMCP

KIÊN LONG

Số: 119/NHKL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Rạch Giá, ngày 30 tháng 3 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngân hàng TMCP Kiên Long thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã kiểm toán như sau:

1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Kiên Long

- Mã chứng khoán: KLB

- Địa chỉ: Số 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

- Điện thoại: 0297 3869 950

Fax: 0297 3877 538

- Email: kienlong@kienlongbank.com

Website: <https://kienlongbank.com>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025 đã kiểm toán

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán trong năm 2023):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

th

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán;
- Công văn số 113 /NHKL ngày 27/3/2026 của Tổng Giám đốc về việc giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2025 sau kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Kiên Long vào ngày 30/3/2026 tại đường dẫn <https://kienlongbank.com/bao-cao-tai-chinh>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P. HCQT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
CHÁNH VĂN PHÒNG HĐQT



Nguyễn Thanh Thủy

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 58



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, được sửa đổi nội dung về vốn điều lệ theo Quyết định số 3462/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang) cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh An Giang) cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 7 năm 2024.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng nhận được Quyết định số 1227/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (“HOSE”) về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng với mã chứng khoán là KLB.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
- Điện thoại : +84 (029) 7386 9950
- Fax : +84 (029) 7387 7538

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Ngọc Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2024
Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thùy Nguyên	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Kim Minh Tuấn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2024
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2024



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2024
Ông Đào Ngọc Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Hồng Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2025
	Quyền Tổng Giám đốc	Đến ngày 30 tháng 11 năm 2025
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2023
Ông Trần Văn Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2025
Ông Đỗ Văn Bắc	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2025
Bà Vũ Đặng Xuân Vinh	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2024).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng trong năm. Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Số: 1.0657/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 58, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý về các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Ngân hàng TMCP Kiên Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 26 tháng 3 năm 2025 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Trần Thị Thủy Quyên

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1539-2023-008-1

Người được ủy quyền



Lê Hữu Tư

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5940-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

Đơn vị tính: Triệu VND

A - TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	602.139		538.410	
II. Tiền gửi tại NHNN	V.2	5.803.001		4.207.486	
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác		16.164.800		15.504.604	
1. Tiền gửi tại các TCTD khác	V.3	16.164.800		15.504.604	
2. Cho vay các TCTD khác		-		-	
3. Dự phòng rủi ro		-		-	
IV. Chứng khoán kinh doanh		-		-	
1. Chứng khoán kinh doanh		-		-	
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-		-	
V. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.16	224.532		-	
VI. Cho vay khách hàng		70.413.492		60.451.562	
1. Cho vay khách hàng	V.4	71.587.702		61.431.909	
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.5	(1.174.210)		(980.347)	
VII. Hoạt động mua nợ		-		-	
1. Mua nợ		-		-	
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-		-	
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.6	3.013.321		2.973.962	
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	V.6	1.343.760		1.298.447	
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.6	1.669.561		1.675.515	
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		-		-	
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn		500.000		500.000	
1. Đầu tư vào công ty con	V.7	500.000		500.000	
2. Vốn góp liên doanh		-		-	
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-		-	
4. Đầu tư dài hạn khác		-		-	
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-		-	
X. Tài sản cố định		1.381.717		1.414.231	
1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	611.379		622.402	
a. Nguyên giá TSCĐ	V.8	1.205.877		1.168.887	
b. Hao mòn TSCĐ	V.8	(594.498)		(546.485)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-		-	
a. Nguyên giá TSCĐ		-		-	
b. Hao mòn TSCĐ		-		-	
3. Tài sản cố định vô hình	V.9	770.338		791.829	
a. Nguyên giá TSCĐ	V.9	935.333		933.333	
b. Hao mòn TSCĐ	V.9	(164.995)		(141.504)	
XI. Bất động sản đầu tư		-		-	
a. Nguyên giá BĐSĐT		-		-	
b. Hao mòn BĐSĐT		-		-	
XII. Tài sản Có khác		5.452.428		6.902.052	
1. Các khoản phải thu	V.10	3.290.858		5.285.668	
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.11	1.806.299		1.393.393	
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-		-	
4. Tài sản Có khác	V.12	483.209		320.901	
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	V.13	(127.938)		(97.910)	
TỔNG TÀI SẢN CÓ		103.555.430		92.492.307	



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)

B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
I. Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		-		-	
1. Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		-		-	
2. Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		-		-	
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.14	15.875.437		15.125.547	
1. Tiền gửi của các TCTD khác	V.14	15.867.227		15.117.285	
2. Vay các TCTD khác	V.14	8.210		8.262	
III. Tiền gửi của khách hàng	V.15	72.204.008		63.761.497	
IV. Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	V.16	-		112.476	
V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		-		-	
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.17	3.567.537		4.028.106	
VII. Các khoản nợ khác		3.525.701		2.888.800	
1. Các khoản lãi, phí phải trả	V.18	1.393.293		1.009.703	
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-		-	
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.19	2.132.408		1.879.097	
4. Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-		-	
Tổng nợ phải trả		95.172.683		85.916.426	
VIII. Vốn chủ sở hữu	V.20	8.382.747		6.575.881	
1. Vốn của TCTD		5.787.505		3.618.619	
a. Vốn điều lệ	V.20	5.821.705		3.652.819	
b. Vốn đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định		-		-	
c. Thặng dư vốn cổ phần		-		-	
d. Cổ phiếu quỹ	V.20	(34.200)		(34.200)	
e. Cổ phiếu ưu đãi		-		-	
f. Vốn khác		-		-	
2. Quỹ của TCTD	V.20, 21	726.382		549.912	
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	V.20	-		-	
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-		-	
5. Lợi nhuận chưa phân phối	V.20	1.868.860		2.407.350	
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		103.555.430		92.492.307	



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Bảo lãnh vay vốn	VIII.4	5.600	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái	VIII.4	49.080.279	19.422.623
Cam kết mua ngoại tệ	VIII.4	1.417.419	2.126.880
Cam kết bán ngoại tệ	VIII.4	1.312.425	708.960
Cam kết giao dịch hoán đổi	VIII.4	46.350.435	16.586.783
Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	4.004.158	4.005.233
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	1.713.319	4.129.036
6. Các cam kết khác		-	-
7. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	VIII.5	310.032	331.341
8. Nợ khó đòi đã xử lý	VIII.6	3.088.589	2.585.844
9. Tài sản và chứng từ khác	VIII.7	4.323.547	4.288.497

Rạch Giá, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập

Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát

Vũ Đặng Xuân Vinh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Trần Ngọc Minh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	8.397.136	7.111.246
2.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	4.645.830	3.938.261
I.	Thu nhập lãi thuần		3.751.306	3.172.985
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	932.798	556.622
4.	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	80.899	99.901
II.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.3	851.899	456.721
III.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.4	88.418	42.009
IV.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.5	63.241	22.565
V.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.6	1.016	3.043
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	VI.7	426.849	224.536
6.	Chi phí từ hoạt động khác	VI.7	17.778	7.329
VI.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.7	409.071	217.207
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.8	5.145	4.366
VIII.	Chi phí hoạt động	VI.9	2.029.528	1.985.955
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		3.140.568	1.932.941
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	VI.10	823.729	822.948
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế		2.316.839	1.109.993
7.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VIII.2	464.317	223.278
8.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII.	Chi phí thuế TNDN		464.317	223.278
XIII.	Lợi nhuận sau thuế		1.852.522	886.715
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11		

Rạch Giá, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Duy

Thị Duyên
Kế toán viênVũ Đặng Xuân Vinh
Kế toán trưởngTrần Ngọc Minh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	V.11; VI.1	7.984.230	7.155.784
02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	V.18; VI.2	(4.262.240)	(4.556.887)
03. Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được	VI.3	851.899	456.721
04. Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	VI.4, 5, 6	152.675	67.617
05. Thu nhập khác		10.533	9.332
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	VI.7	397.200	207.123
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.862.573)	(1.594.121)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	VIII.2	(345.935)	(165.546)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		2.925.789	1.580.023
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	V.6	(39.359)	404.988
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.16	(224.532)	-
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	V.4	(10.155.793)	(9.648.857)
13. Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các	V.6	(629.866)	(465.834)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		1.798.910	(1.412.202)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		-	-
16. Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD	V.14	749.890	(2.993.383)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng	V.15	8.442.511	6.545.652
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)	V.17	(460.569)	569.015
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		-	-
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	V.16	(112.476)	87.072
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		61.814	503.468
22. Chi từ các quỹ của TCTD	V.20	(1.029)	(1.299)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.355.290	(4.831.357)



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm tài sản cố định	V.8, 9, 10	(42.333)	(92.041)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	VI.7	1.338	752
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
09. Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	VI.8	5.145	4.366
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư		(35.850)	(86.923)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.319.440	(4.918.280)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	V.II	20.250.500	25.168.780
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	V.II	22.569.940	20.250.500

Rạch Giá, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Thị Duyên
Kế toán viênVũ Đặng Xuân Vinh
Kế toán trưởngTrần Ngọc Minh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng TMCP Kiên Long, tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 9 năm 1995 và được sửa đổi nội dung về vốn điều lệ theo Quyết định số 3462/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.;
- Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang) cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh An Giang) cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 24 tháng 7 năm 2024.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho phép.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng nhận được Quyết định số 1227/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (“HOSE”) về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng với mã chứng khoán là KLB.

2. Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng TMCP Kiên Long là ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5.821.705 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.652.819 triệu VND).

4. Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có một (01) hội sở chính, hai (02) văn phòng đại diện, ba mươi một (31) chi nhánh và một trăm lẻ ba (103) phòng giao dịch trên toàn quốc. Ngân hàng có một (01) Công ty con.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5. Công ty con

Ngân hàng đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long có trụ sở tại tầng 6, số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang. Công ty con này được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 02 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất; quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua khoản nợ từ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng có 2.797 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.587 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam (triệu VND) khi lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngân hàng áp dụng Hệ thống tài khoản các tổ chức tín dụng (“TCTD”) theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 (sau đây gọi chung là “Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD”) và các thông tư sửa đổi, bổ sung các quyết định này do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Ngân hàng cũng lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

3. Cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

4. Các thay đổi trong việc áp dụng chính sách kế toán

Các chính sách kế toán mà Ngân hàng sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng năm nay được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng năm trước, trừ các thay đổi sau:

Công văn số 4848/NHNN-TCKT của NHNN hướng dẫn hạch toán kế toán đối với nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng (“Công văn số 4848”)

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, NHNN ban hành Công văn số 4848 để bổ sung các hướng dẫn hạch toán kế toán đối với các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu liên quan đến nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng theo quy định tại Thông tư số 21/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 (“Thông tư số 21”), bao gồm hướng dẫn về tài khoản kế toán và bút toán hạch toán đối với các giao dịch này.

Theo quy định chuyển tiếp của Công văn số 4848, Ngân hàng thực hiện chuyển đổi số dư trên sổ kế toán đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thư tín dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2024 phù hợp với hướng dẫn hạch toán tại Công văn này và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng về sự thay đổi chính sách kế toán mới do áp dụng lần đầu các quy định tại Luật các TCTD năm 2024 và Thông tư số 21.

Công văn số 4848 có hiệu lực từ ngày 11 tháng 6 năm 2025.

Nghị định số 135/2025/NĐ-CP của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD có vốn Nhà nước (“Nghị định số 135”)

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 135, theo đó, bổ sung quy định đối với việc lập kế hoạch tài chính hàng năm của TCTD, trong đó, việc phân phối lợi nhuận để lại của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thứ tự như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo các giao dịch, hợp đồng đã ký kết (nếu có).
 2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.
 3. Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
- | | |
|---|-------------------|
| <u>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế</u> | <u>Mức tối đa</u> |
| 10% lợi nhuận sau thuế | 100% vốn điều lệ |



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Trích lập quỹ dự trữ tài chính
- | <u>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế</u> | <u>Mức tối đa</u> |
|---|-------------------|
| 10% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối vào các mục 1, 2, Không quy định 3 kể trên | |
5. Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự quyết định theo quy định tại Điều lệ, quy chế tài chính, quy chế nội bộ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Nghị định số 135 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2025. Ngân hàng thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định của Nghị định số 135 trên Báo cáo tài chính riêng.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG

1. Chuyển đổi ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó (“tỷ giá giao ngay”) tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính thì Ngân hàng dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng vào cuối năm tài chính.

Tỷ giá quy đổi:

Ngoại tệ	Số cuối năm	Số đầu năm
AUD	17.601	15.880
CAD	19.191	17.701
CHF	33.192	28.259
EUR	30.867	26.581
GBP	35.385	32.069
JPY	168,40	161,51
KRW	18,25	17,30
NZD	15.207	15.490
SGD	20.465	18.763
THB	836	749
USD	26.248	25.320



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, tiền gửi tại các TCTD khác, cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Tiền gửi tại các TCTD khác bao gồm: tiền gửi không kỳ hạn; tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại các TCTD nước ngoài. Cho vay các TCTD khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới một năm.

Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước, tiền gửi tại các TCTD ở nước ngoài và cho vay các TCTD khác được phản ánh theo số dư trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác theo phương pháp được trình bày ở thuyết minh số IV.5.

Theo quy định tại các văn bản nêu trên, Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác.

4. Cho vay khách hàng

Khoản cho vay khách hàng được ghi nhận khi Ngân hàng và khách hàng ký kết hợp đồng vay, khế ước nhận nợ và Ngân hàng giải ngân cho khách hàng. Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Phương thức cho vay đối với tổ chức và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư,....

Hình thức bảo đảm tiền vay chủ yếu là cầm cố, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Ngân hàng còn cho vay tín chấp.

5. Phân loại nợ; mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và xử lý nợ

Phân loại nợ

Ngân hàng phân loại nợ theo phương pháp định lượng căn cứ vào Điều 10, Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 (“Thông tư số 31”) về quy định phân loại tài sản Có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đối với: các khoản tiền gửi có kỳ hạn; cho vay các TCTD khác; cho vay khách hàng;... các khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng và mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng, trừ trường hợp TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ do chính TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phát hành (gọi chung là “các khoản nợ”).

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Ngân hàng phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ của khách hàng được Ngân hàng phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của các ngân hàng cho vay hợp vốn.

Ngân hàng thực hiện phân loại nợ hàng tháng dựa trên số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng theo Thông tư số 31 và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024 (“Nghị định số 86”) quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp TCTD phân bổ lãi phải thu phải thoái, với các mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Nhóm nợ	Nhóm nợ theo phương pháp định lượng	Tỷ lệ dự phòng
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và nợ lãi còn lại đúng thời hạn. (c) Nợ được phân loại vào Nhóm 1 theo quy định tại Khoản 2, Điều 10, Thông tư số 31.	0%
2 Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu. (c) Nợ được phân loại vào Nhóm 2 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 31.	5%
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 5, 6; Điều 134 Luật các TCTD; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4; Điều 135 Luật các TCTD; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 5, 9; Điều 136 Luật các TCTD; hoặc (e) Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Nợ được phân loại vào Nhóm 3 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 31; hoặc (g) Khoản nợ thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, TCTD phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, TCTD phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; (h) Khoản nợ phải phân loại vào Nhóm 3 theo quy định tại Khoản 4, Điều 8, Thông tư số 31.	20%
4 Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày cho đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	50%



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Nhóm nợ		Nhóm nợ theo phương pháp định lượng	Tỷ lệ dự phòng
		(e) Khoản nợ thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc (f) Nợ được phân loại vào Nhóm 4 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 31; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, TCTD phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, TCTD phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi. (h) Khoản nợ được phân loại vào Nhóm 4 theo quy định tại Khoản 4, Điều 8, Thông tư số 31.	
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là TCTD được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Nghị định số 86, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ cuối mỗi tháng được trích lập dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc trừ đi giá trị của tài sản bảo đảm tại ngày cuối cùng của tháng. Dự phòng cụ thể tại ngày kết thúc niên độ được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày này.

Giá trị và tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Nghị định số 86, theo đó từng loại tài sản bảo đảm có tỷ lệ khấu trừ tối đa nhất định cho mục đích tính toán dự phòng rủi ro.

Tài sản bảo đảm để khấu trừ khi tính số tiền dự phòng cụ thể phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm và theo quy định của pháp luật khi khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận;
- Thời gian xử lý tài sản bảo đảm theo dự kiến không quá 1 (một) năm đối với tài sản bảo đảm không phải là bất động sản và không quá 2 (hai) năm đối với tài sản bảo đảm là bất động sản, kể từ khi Ngân hàng có quyền thực hiện xử lý tài sản bảo đảm;
- Tài sản bảo đảm phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và pháp luật khác có liên quan; và
- Trường hợp tài sản bảo đảm không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a, b, c nêu trên thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải coi bằng 0 (không).



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể được trích lập bổ sung theo hướng dẫn tại các văn bản quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng khó khăn.

Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Nghị định số 86, dự phòng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ, không bao gồm các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Xử lý nợ xấu

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào Nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng khi thu được.

Hoạt động mua, bán nợ

Hoạt động mua, bán nợ của Ngân hàng được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 (“Thông tư số 09”) được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 (“Thông tư số 18”) do NHNN ban hành về hoạt động mua, bán nợ của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, theo đó:

- Giá trị ghi sổ của khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ của số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội, ngoại bảng; hoặc trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi Báo cáo tình hình tài chính riêng;
- Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

Hoạt động mua nợ

Nợ đã mua được Ngân hàng hạch toán nội bảng tương ứng với giá mua theo hợp đồng mua nợ và thực hiện theo dõi gốc và lãi của các khoản nợ được mua tại tài khoản ngoại bảng. Trong trường hợp Ngân hàng thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi trước khi Ngân hàng mua khoản nợ đó, Ngân hàng thực hiện phân bổ số tiền lãi theo nguyên tắc: Ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua và ghi nhận thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi Ngân hàng mua nợ.

Đối với khoản nợ được mua, Ngân hàng phân loại số tiền đã thanh toán để mua nợ vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Việc phân loại và trích lập dự phòng cho các khoản mua nợ được thực hiện tương tự như các khoản nợ theo phương pháp được trình bày ở thuyết minh bên trên.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Hoạt động bán nợ

Doanh thu và chi phí hoạt động bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09 và Thông tư số 18. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 09, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- Đối với khoản nợ được hạch toán nội bảng:
 - Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của Ngân hàng;
 - Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập chi phí trong năm.
- Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi Báo cáo tình hình tài chính riêng, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng.

Đối với khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ, Ngân hàng phân loại số tiền chưa thu được đối với bên mua nợ vào nhóm nợ mà khoản nợ đó đã được phân loại tại thời điểm phân loại nợ gần nhất trước khi bán và căn cứ vào các thông tin về thời hạn, kỳ hạn và thông tin khác tại hợp đồng tín dụng đã ký với khách hàng có khoản nợ được bán để tiếp tục phân loại số tiền thu được từ bán nợ để tính dự phòng theo phương pháp được trình bày tại thuyết minh bên trên.

Các cam kết ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng bao gồm: các khoản bảo lãnh, cam kết giao dịch hối đoái và cam kết trong nghiệp vụ L/C.

Toàn bộ số dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của một khách hàng tại một TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ. Đối với khách hàng có từ hai khoản nợ và/hoặc cam kết ngoại bảng trở lên tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà có bất cứ một khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng nào bị phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng khác thì TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phải phân loại lại các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng còn lại của khách hàng vào nhóm có mức độ rủi ro cao nhất.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng và được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản nợ được trình bày tại thuyết minh trên, trừ khi Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng phù hợp theo chính sách kế toán áp dụng đối với các khoản nợ được trình bày tại thuyết minh bên trên.

Theo Thông tư số 31 và Nghị định số 86, Ngân hàng không cần phải lập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng.

6. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của NHNN, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ được Ngân hàng nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận vào ngày Ngân hàng trở thành một bên tham gia vào các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này.

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua, cộng với các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin... (nếu có). Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được hạch toán ở một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được hạch toán ở một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán nợ này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Ngân hàng không trích lập dự phòng cho các chứng khoán này. Ngân hàng cũng không thực hiện trích lập dự phòng cho trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương được phân loại là chứng khoán đầu tư. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn”.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán của doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh IV.5.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang tài khoản phù hợp trước thời điểm bán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán được trình bày tại thuyết minh Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị được đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Ngân hàng tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận chuyển	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	5 – 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Ngân hàng bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Ngân hàng đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (36 - 49 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

10. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Các tài sản Có khác

Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản phải thu này theo phương pháp được trình bày ở thuyết minh số IV.5.

Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác không được phân loại là khoản phải thu có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác.

Các tài sản Có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng căn cứ vào thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Đối với khoản phải thu quá hạn thanh toán, chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí hoạt động” trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả gồm các khoản nợ Chính phủ và NHNN, tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khác được thể hiện theo giá gốc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

14. Công cụ tài chính phái sinh

Ngân hàng ký kết các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ được ghi nhận theo giá trị cam kết trên hợp đồng tại ngày giao dịch, được định kỳ đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và được trình bày theo giá trị thuần quy đổi trên Báo cáo tình hình tài chính riêng. Chênh lệch từ việc đánh giá lại tỷ giá được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Báo cáo tình hình tài chính riêng và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm hoặc khi đáo hạn hợp đồng nếu ngày đáo hạn hợp đồng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai và tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên Báo cáo tình hình tài chính riêng. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết để thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian. Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền được ghi nhận trên các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên cơ sở dồn tích.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Ngân hàng phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Các quỹ dự trữ

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 135, theo đó, bổ sung quy định đối với việc lập kế hoạch tài chính hàng năm của TCTD, trong đó, việc phân phối lợi nhuận để lại của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thứ tự như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo các giao dịch, hợp đồng đã ký kết (nếu có).
2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.
3. Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

<u>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức tối đa</u>
10% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
4. Trích lập quỹ dự trữ tài chính

<u>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức tối đa</u>
10% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối vào các mục 1, 2, Không quy định 3 kể trên	
5. Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự quyết định theo quy định tại Điều lệ, quy chế tài chính, quy chế nội bộ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Ngân hàng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Ngân hàng. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận trong phần nợ phải trả của Ngân hàng.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng

Tại từng thời điểm, Ngân hàng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

17. Thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng khi Ngân hàng thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng khi Ngân hàng thực sự thu được.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,... là số lãi phải thu trong năm.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

18. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác. Thu nhập nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành.

19. Thu nhập từ cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Ngân hàng được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Luật các TCTD số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Quốc hội ban hành, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán năm hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán năm và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Ngân hàng sẽ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động riêng trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Báo cáo theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

23. Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên Báo cáo tình hình tài chính riêng chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cân trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

24. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp và các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con. Các bên liên kết và các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	578.881	517.848
Tiền mặt bằng ngoại tệ	23.258	20.562
Cộng	602.139	538.410

2. Tiền gửi tại NHNN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND	4.889.104	4.202.344
Tiền gửi bằng ngoại tệ	913.897	5.142
Cộng	5.803.001	4.207.486

Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại NHNN theo quy định.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, Ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc, số dư bình quân tài khoản dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng, với tỷ lệ dự trữ bắt buộc như sau:

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng: 3% đối với VND, 8% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 1% đối với VND, 6% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi ở nước ngoài: 1% đối với ngoại tệ.

3. Tiền gửi tại các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	5.326.752	3.587.259
Bằng VND	5.135.536	3.059.725
Bằng ngoại tệ	191.216	527.534
Tiền gửi có kỳ hạn	10.838.048	11.917.345
Bằng VND	10.444.320	9.385.345
Bằng ngoại tệ	393.728	2.532.000
Cộng	16.164.800	15.504.604



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Phân tích chất lượng tiền gửi tại các TCTD khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, tất cả các khoản tiền gửi tại các TCTD khác đều được phân loại là Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn.

4. Cho vay khách hàng

Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước.

Phân tích chất lượng nợ vay

(được trình bày theo quy định tại Thông tư số 31, Nghị định số 86 và đã điều chỉnh theo CIC)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ đủ tiêu chuẩn	69.418.870	59.353.660
Nợ cần chú ý	834.107	837.674
Nợ dưới tiêu chuẩn	239.102	231.594
Nợ nghi ngờ	470.205	170.332
Nợ có khả năng mất vốn	625.418	838.649
Cộng	71.587.702	61.431.909

Phân tích dư nợ theo thời gian

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ ngắn hạn	37.632.322	38.555.215
Nợ trung hạn	26.907.503	19.621.779
Nợ dài hạn	7.047.877	3.254.915
Cộng	71.587.702	61.431.909

Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty trách nhiệm hữu hạn	51.878.228	42.429.072
Công ty cổ phần	4.170.706	4.909.251
Hộ kinh doanh, cá nhân	15.538.768	14.093.586
Cộng	71.587.702	61.431.909

Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	7.375.639	3.921.624
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	4.117.099	4.712.515
Hoạt động dịch vụ khác	870.647	12.418.593
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	8.883	-
Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	7.762.567	9.108.693
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	16.602.676	13.209.112
Xây dựng	32.896.189	17.515.810
Vận tải kho bãi	24.306	11.070
Công nghiệp chế biến, chế tạo	611.690	309.705
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.161.757	121.637
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	32.562	28.722



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thông tin và truyền thông	3.194	3.862
Giáo dục và đào tạo	31.709	30.030
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	552	3.628
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	19.248	3.240
Khai khoáng	11.466	8.596
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	39.784	10.196
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	10.440	1.782
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	7.294	13.094
Cộng	71.587.702	61.431.909

5. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng*Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro tín dụng*

	<u>Dự phòng chung</u>	<u>Dự phòng cụ thể</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
Số đầu năm nay	(454.450)	(525.897)	(980.347)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm nay	(77.766)	(745.963)	(823.729)
Sử dụng dự phòng trong năm nay	-	629.866	629.866
Số dư cuối năm nay	(532.216)	(641.994)	(1.174.210)
Năm trước			
Số đầu năm trước	(364.535)	(258.698)	(623.233)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm trước	(89.915)	(733.033)	(822.948)
Sử dụng dự phòng trong năm trước	-	465.834	465.834
Số cuối năm trước	(454.450)	(525.897)	(980.347)

Chi tiết số dư dự phòng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng chung	(532.216)	(454.450)
Dự phòng cụ thể	(641.994)	(525.897)
Cộng	(1.174.210)	(980.347)

6. Chứng khoán đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán nợ		
- Trái phiếu Chính phủ	1.343.760	1.298.447
Cộng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.343.760	1.298.447
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Chứng khoán nợ		
- Trái phiếu Chính phủ	1.669.561	1.675.515
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.669.561	1.675.515
Cộng chứng khoán đầu tư	3.013.321	2.973.962

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn niêm yết bằng VND, có thời hạn từ 10 đến 20 năm, lãi suất từ 2,1%/năm đến 5,9%/năm. Trong đó, một số trái phiếu Chính phủ với tổng mệnh giá 75.000 triệu VND (số đầu năm là 75.000 triệu VND) được Ngân hàng cầm cố tại NHNN để tham gia nghiệp vụ thị trường mở, hạn mức bù trừ và hạn mức nợ ròng (xem thuyết minh số IX.5).

7. Đầu tư vào công ty con

Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 02 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 500.000.000.000 VND.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	728.825	83.392	149.727	184.038	22.905	1.168.887
Mua trong năm	69	961	148	883	409	2.470
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	23.878	17.550	-	41.428
Thanh lý, nhượng bán	(188)	(873)	(5.617)	(230)	-	(6.908)
Số cuối năm	728.706	83.480	168.136	202.241	23.314	1.205.877
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.040	16.565	79.121	100.945	10.460	219.131
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	245.354	53.167	112.288	120.054	15.622	546.485
Khấu hao trong năm	27.772	6.066	8.380	11.814	889	54.921
Thanh lý, nhượng bán	(188)	(873)	(5.617)	(230)	-	(6.908)
Số cuối năm	272.938	58.360	115.051	131.638	16.511	594.498
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	483.471	30.225	37.439	63.984	7.283	622.402
Số cuối năm	455.768	25.120	53.085	70.603	6.803	611.379
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	686.287	227.032	20.014	933.333
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.000	-	2.000
Số cuối năm	686.287	229.032	20.014	935.333
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	77.671	17.568	95.239
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	14.163	108.646	18.695	141.504
Khấu hao trong năm	1.840	20.629	1.022	23.491
Số cuối năm	16.003	129.275	19.717	164.995
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	672.124	118.386	1.319	791.829
Số cuối năm	670.284	99.757	297	770.338
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định và chi phí XDCB dở dang ⁽ⁱ⁾	7.580	11.145
Khoản phải thu từ NHNN về hỗ trợ lãi suất	3.822	3.943
Ký quỹ thuê văn phòng, thuê tài sản và tạm ứng hợp đồng	44.635	32.583
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	3.276	2.273
Phải thu từ nghiệp vụ thẻ tín dụng	160.481	134.167
Phải thu từ nghiệp vụ banknet	656.625	964.200
Phải thu từ nghiệp vụ mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng	2.240.000	4.000.000
Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế	42.804	35.902
Phải thu khác	131.635	101.455
Cộng	3.290.858	5.285.668

⁽ⁱ⁾ Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí XDCB dở dang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cửa	7.082	4.125
Máy móc thiết bị	489	7.020
Phần mềm máy vi tính	9	-
Cộng	7.580	11.145



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**11. Các khoản lãi, phí phải thu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải thu từ tiền gửi	2.749	28.982
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	24.054	22.897
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	1.656.153	1.301.275
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	123.343	40.239
Cộng	1.806.299	1.393.393

12. Tài sản Có khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chờ phân bổ	307.798	136.125
Vật liệu	12.616	12.438
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý	117.460	117.460
Tài sản Có khác	45.335	54.878
Cộng	483.209	320.901

13. Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng rủi ro tín dụng của tài sản gán nợ	(66.242)	(42.494)
Dự phòng phải thu khó đòi	(61.696)	(55.416)
Cộng	(127.938)	(97.910)

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác như sau

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(97.910)	(42.494)
Trích lập dự phòng bổ sung	(30.028)	(55.416)
Số cuối năm	(127.938)	(97.910)

14. Tiền gửi và vay các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của các TCTD khác	15.867.227	15.117.285
Tiền gửi không kỳ hạn	5.029.149	3.025.715
<i>Bằng VND</i>	5.029.149	3.025.715
Tiền gửi có kỳ hạn	10.838.078	12.091.570
<i>Bằng VND</i>	10.444.350	9.382.330
<i>Bằng ngoại tệ</i>	393.728	2.709.240
Vay các TCTD khác	8.210	8.262
Vay các TCTD khác bằng VND	7.602	7.601
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	608	661
Cộng	15.875.437	15.125.547



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**15. Tiền gửi của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	5.846.664	4.077.264
<i>Bằng VND</i>	5.836.535	4.069.129
<i>Bằng ngoại tệ</i>	10.129	8.135
Tiền gửi có kỳ hạn	1.718.177	2.282.732
<i>Bằng VND</i>	1.718.177	2.282.732
Tiền gửi tiết kiệm	64.630.583	57.392.005
<i>Không kỳ hạn bằng VND</i>	16.546	11.527
<i>Không kỳ hạn bằng ngoại tệ</i>	4.074	3.662
<i>Có kỳ hạn bằng VND</i>	64.559.083	57.335.634
<i>Có kỳ hạn bằng ngoại tệ</i>	50.880	41.182
Tiền gửi ký quỹ	8.584	9.496
<i>Bằng VND</i>	8.584	9.496
Cộng	72.204.008	63.761.497

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tiền gửi của tổ chức kinh tế</i>	<i>4.418.624</i>	<i>3.724.628</i>
Công ty cổ phần	2.897.610	1.538.298
Công ty trách nhiệm hữu hạn	863.891	1.108.053
Doanh nghiệp tư nhân	5.550	1.519
Các tổ chức khác	651.573	1.076.758
<i>Tiền gửi của cá nhân</i>	<i>67.785.384</i>	<i>60.036.869</i>
Cộng	72.204.008	63.761.497

16. Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác

	Tổng giá trị hợp đồng (theo tỷ giá tại ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày cuối năm)	
		Tài sản	Công nợ
Số cuối năm			
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	6.096.401	268.551	-
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	3.876.300	-	44.019
Cộng	9.972.701	268.551	44.019
Số đầu năm			
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	1.944.849	-	106.071
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	246.795	-	6.405
Cộng	2.191.644	-	112.476



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**17. Phát hành giấy tờ có giá**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND ⁽ⁱ⁾	67.537	3.228.106
Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	3.500.000	800.000
Cộng	3.567.537	4.028.106

(i) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 84 tháng, trả lãi định kỳ 6 tháng hoặc cuối kỳ, lãi suất từ 6,1%/năm đến 9,5%/năm.

(ii) Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm, trả lãi định kỳ 12 tháng kể từ ngày phát hành, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng tại ngày xác định lãi suất + biên độ 1,6%/năm.

18. Các khoản lãi, phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải trả cho tiền gửi	1.224.647	977.077
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	71.015	32.399
Lãi phải trả cho tiền vay	7	6
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	97.624	221
Cộng	1.393.293	1.009.703

19. Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả nội bộ	536.203	431.225
Các khoản phải trả cán bộ nhân viên	324.616	266.101
Quỹ khen thưởng và phúc lợi ⁽ⁱ⁾	81.985	45.171
Các khoản phải trả nội bộ khác	129.602	119.953
Các khoản phải trả bên ngoài	1.596.205	1.447.872
Chuyển tiền phải trả	10.348	3.678
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	264.890	116.461
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	19.943	8.806
Phải trả từ nghiệp vụ thẻ tín dụng	29.137	18.516
Phải trả từ Banknet	1.097.418	991.070
Các khoản chờ thanh toán khác	10.099	15.317
Phải trả khác	164.370	294.064
Cộng	2.132.408	1.879.097

(i) Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	45.171	6.415
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	44.627	39.688
Chi quỹ	(7.813)	(932)
Số cuối năm	81.985	45.171



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**20. Vốn và quỹ của Ngân hàng****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ của TCTD	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.652.819	(34.200)	464.700	1.646.834	5.730.153
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	886.715	886.715
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	85.212	(85.212)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	(39.688)	(39.688)
Chuyển tiền trích lập quỹ cho Công ty con	-	-	-	(1.299)	(1.299)
Số dư cuối năm trước	3.652.819	(34.200)	549.912	2.407.350	6.575.881
Số dư đầu năm nay	3.652.819	(34.200)	549.912	2.407.350	6.575.881
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	1.852.522	1.852.522
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ⁽ⁱ⁾	2.168.886	-	-	(2.168.886)	-
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm nay từ lợi nhuận sau thuế năm 2024	-	-	176.470	(176.470)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024	-	-	-	(44.627)	(44.627)
Chuyển tiền trích lập quỹ cho Công ty con	-	-	-	(1.029)	(1.029)
Số dư cuối năm nay	5.821.705	(34.200)	726.382	1.868.860	8.382.747

- (i) Ngày 15 tháng 7 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ – ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, với số lượng tối đa là 216.889.126 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ 60%. Ngày 29 tháng 9 năm 2025, Hội đồng quản trị đã thông qua việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Ngân hàng từ 3.652.818.780.000 VND lên 5.821.705.260.000 VND, tương đương với việc phát hành thêm 216.889.126 cổ phiếu để chi trả cổ tức.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	582.170.526	582.170.526
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	582.170.526	582.170.526
- Cổ phiếu phổ thông	582.170.526	582.170.526
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	578.370.526	578.370.526
- Cổ phiếu phổ thông	578.370.526	578.370.526
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**21. Các quỹ của TCTD**

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	92.591	372.106	3	464.700
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	28.404	56.808	-	85.212
Số dư cuối năm trước	120.995	428.914	3	549.912
Số dư đầu năm nay	120.995	428.914	3	549.912
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm từ lợi nhuận sau thuế năm 2024	88.235	88.235	-	176.470
Số dư cuối năm nay	209.230	517.149	3	726.382

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự**

	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi	570.261	398.727
Thu lãi cho vay	7.322.733	6.231.101
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	74.537	145.477
Thu phí từ bảo lãnh	30.512	57.647
Thu khác từ hoạt động tín dụng	399.093	278.294
Cộng	8.397.136	7.111.246

2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	4.216.022	3.315.713
Trả lãi tiền vay	7.216	194.697
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	280.845	221.614
Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	141.747	206.237
Cộng	4.645.830	3.938.261

3. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	932.798	556.622
Thu dịch vụ thanh toán	870.991	483.655
Thu dịch vụ ngân quỹ, ủy thác và đại lý	228	304
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	41.348	52.446
Thu dịch vụ khác	20.231	20.217
Chi phí hoạt động dịch vụ	80.899	99.901
Chi dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	34.255	34.391
Chi dịch vụ tư vấn	4.024	4.049
Cước phí bưu điện về mạng viễn thông	19.938	45.796
Chi dịch vụ khác	22.682	15.665
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	851.899	456.721



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**4. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	273.922	432.099
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	207.791	333.936
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	66.131	98.163
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	185.504	390.090
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	30.417	24.343
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	155.087	365.747
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	88.418	42.009

5. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	63.241	23.763
Chi cho kinh doanh chứng khoán kinh doanh	-	1.198
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	63.241	22.565

6. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.016	3.445
Chi cho kinh doanh chứng khoán đầu tư	-	402
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.016	3.043

7. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ hoạt động khác	426.849	224.536
Thu từ bán tài sản gán nợ	7.460	1.601
Thu hồi các khoản nợ đã xóa	5.010	6.045
Thu nợ khó đòi đã xử lý bằng dự phòng rủi ro	397.200	207.123
Thu nghiệp vụ mua bán nợ	9.500	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.338	752
Thu khác	6.341	9.015
Chi phí từ hoạt động khác	17.778	7.329
Chi phí cho hoạt động công tác xã hội	8.429	5.329
Chi về nghiệp vụ mua bán nợ	4.320	-
Chi phí xử lý nợ, chi phí khác	5.029	2.000
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	409.071	217.207

8. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

Lợi nhuận sau thuế Công ty con chuyển về Ngân hàng.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**9. Chi phí hoạt động**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	29.268	26.375
Chi phí cho nhân viên	1.244.490	1.294.076
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi lương và phụ cấp</i>	1.096.520	1.143.791
<i>Các khoản chi đóng góp theo lương</i>	77.096	73.485
<i>Chi trang phục, ăn ca, y tế, trợ cấp thôi việc</i>	70.874	76.800
Chi về tài sản	285.943	257.856
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	78.412	81.405
<i>Chi phí thuê tài sản</i>	127.030	109.629
<i>Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản</i>	52.901	42.781
<i>Chi mua sắm công cụ lao động</i>	27.138	23.682
<i>Chi phí khác</i>	462	359
Chi phí hoạt động quản lý và công vụ	331.416	254.885
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí tiếp thị, quảng cáo, vật liệu văn phòng</i>	78.246	58.777
<i>Công tác phí</i>	15.452	14.694
<i>Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu</i>	41.619	44.315
<i>Chi phí thông tin liên lạc</i>	41.039	30.208
<i>Chi phí đào tạo</i>	4.035	2.545
<i>Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết</i>	109.119	80.157
<i>Chi phí khác</i>	41.906	24.189
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	103.373	84.157
Chi phí dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng	35.038	68.606
Cộng	2.029.528	1.985.955

10. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	77.766	89.915
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	745.963	733.033
Cộng	823.729	822.948

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	602.139	538.410
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5.803.001	4.207.486
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn trong vòng 3 tháng	16.164.800	15.504.604
Cộng	22.569.940	20.250.500



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Tình hình thu nhập của nhân viên

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cán bộ, nhân viên tại cuối năm (người)	2.797	3.587
Số lượng nhân viên bình quân (người)	3.172	3.621
Thu nhập của nhân viên		
Tổng quỹ lương	958.758	947.643
Tiền thưởng	145.575	87.348
Tổng thu nhập	1.104.333	1.034.991
Tiền lương bình quân/tháng	25	22
Thu nhập bình quân/tháng	29	24

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT	6.805	79.109	(53.166)	32.748
Thuế thu nhập doanh nghiệp	98.761	464.317	(345.935)	217.143
Các loại thuế khác	10.895	73.722	(69.618)	14.999
Cộng	116.461	617.148	(468.719)	264.890

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng và thanh toán là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.316.839	1.109.993
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	9.892	11.202
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(439)
Tổng thu nhập chịu thuế	2.326.731	1.120.756
Thu nhập miễn thuế	(5.145)	(4.366)
Thu nhập tính thuế	2.321.586	1.116.390
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	464.317	223.278



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Ngân hàng được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các khoản thuế, lệ phí khác

Ngân hàng nộp theo các quy định hiện hành.

3. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bất động sản	33.696.492	36.689.741
Máy móc và thiết bị	49.456	52.487
Phương tiện vận tải	468.777	593.681
Cổ phiếu phát hành bởi TCTD khác	33.900	15.709
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế	18.318.940	20.219.882
Sổ tiết kiệm	2.630.685	2.555.675
Tài sản khác	138.888.493	109.067.904
Cộng	194.086.743	169.195.079

4. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Bảo lãnh vay vốn</i>	<i>5.600</i>	<i>-</i>
<i>Bảo lãnh khác</i>	<i>1.713.319</i>	<i>4.129.036</i>
Giá trị theo hợp đồng	1.714.719	4.131.387
Trừ: Tiền ký quỹ	(1.400)	(2.351)
<i>Cam kết giao dịch hối đoái</i>	<i>49.080.279</i>	<i>19.422.623</i>
Cam kết mua ngoại tệ	1.417.419	2.126.880
Cam kết bán ngoại tệ	1.312.425	708.960
Cam kết giao dịch hoán đổi	46.350.435	16.586.783
<i>Cam kết trong nghiệp vụ L/C</i>	<i>4.004.158</i>	<i>4.005.233</i>
Giá trị theo hợp đồng	4.004.820	4.006.085
Trừ: Tiền ký quỹ	(662)	(852)

5. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

Lãi cho vay chưa thu được.

6. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.378.170	1.072.357
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.710.419	1.513.487
Cộng	3.088.589	2.585.844



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Tài sản và chứng từ khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản khác giữ hộ	4.162.890	4.118.432
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	160.657	170.065
Cộng	4.323.547	4.288.497

8. Giao dịch với các bên liên quan

(Thông tin các bên liên quan được trình bày theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020)

Các bên liên quan với Ngân hàng bao gồm: công ty con, các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng), các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong năm nay là như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	23.506	19.055
Chủ tịch HĐQT		
Bà Trần Thị Thu Hằng (miễn nhiệm 09/7/2024)	-	2.481
Chủ tịch HĐQT		
Ông Trần Ngọc Minh (bỏ nhiệm 09/7/2024)	4.589	3.098
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2.591	1.452
Ông Bùi Thanh Hải	1.127	920
Ông Lê Khắc Gia Bảo	1.116	905
Ông Nguyễn Cao Cường	1.136	920
Bà Nguyễn Thị Thanh Hường	1.588	1.407
Bà Nguyễn Thùy Nguyên	2.044	1.754
Ông Kim Minh Tuấn	1.425	239
Ông Nguyễn Chí Hiếu	805	129
Các khoản chi khác liên quan đến Hội đồng quản trị (bao gồm các khoản thuế TNCN, BHXH, BHYT và các khoản khác)	7.085	5.752
Ban kiểm soát	6.781	5.924
Ban Tổng Giám đốc	11.410	18.387
Trong đó: Ông Trần Hồng Minh – Tổng Giám đốc	2.989	2.547
các khoản chi khác liên quan đến Tổng Giám đốc (bao gồm các khoản thuế TNCN, BHXH, BHYT và các khoản khác)	1.496	1.943



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Ngân hàng với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
Chi phí lãi tiền gửi	16.265	18.240
Chi phí thuê văn phòng	17.051	16.058
Chi phí thẩm định tài sản	7.949	5.782
Chi phí dịch vụ khác	19.859	-
Tiền chuyển công ty con để trích lập các quỹ	1.029	1.299
Lợi nhuận sau thuế của Công ty con chuyển về	5.145	4.366

Thành viên Hội đồng quản trị

Chi phí lãi tiền gửi	141	44
----------------------	-----	----

Thành viên Ban Tổng Giám đốc

Chi phí lãi tiền gửi	55	8
----------------------	----	---

Thành viên Ban kiểm soát

Chi phí lãi tiền gửi	4	6
----------------------	---	---

Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên

Hội đồng quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	357	731

Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên

Ban Tổng Giám đốc		
Chi phí lãi tiền gửi	211	172

Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên

Ban kiểm soát		
Chi phí lãi tiền gửi	100	69

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty con		
Đặt cọc	7.700	1.700
Thành viên Hội đồng quản trị		
Cho vay	79	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Cho vay	18	89
Thành viên Ban kiểm soát		
Cho vay	178	25
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Hội đồng quản trị		
Cho vay	23	109



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Ban Tổng Giám đốc		
Cho vay	-	28
Cộng nợ phải thu	7.997	1.951
Công ty con		
Tiền gửi từ công ty con	193.600	339.652
Lãi phải trả	4.474	7.649
Trái phiếu	92.412	-
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền gửi	3.366	4.817
Lãi phải trả	80	21
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	1.612	1.845
Lãi phải trả	-	1
Thành viên Ban kiểm soát		
Tiền gửi	205	614
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Hội đồng quản trị		
Tiền gửi	316.887	37.237
Lãi phải trả	41	44
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	12.666	15.690
Lãi phải trả	120	92
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Ban kiểm soát		
Tiền gửi	1.009	1.622
Lãi phải trả	11	22
Cộng nợ phải trả	626.483	409.306

9. Số liệu so sánh

Ngân hàng điều chỉnh số liệu so sánh năm trước để nhất quán với năm nay trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng, cụ thể như sau:

	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
Báo cáo kết quả hoạt động riêng			
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	22.565	22.565
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	25.608	(22.565)	3.043

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

10. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng dư nợ tiền gửi và cho vay	Tổng tiền gửi và tiền vay	Phát hành giấy tờ có giá	Các cam kết tín dụng	Công cụ tài chính phái sinh	Chứng khoán đầu tư
Số cuối năm	93.555.503	88.079.445	3.567.537	5.725.139	9.972.701	3.013.321
Trong nước	93.555.503	88.079.445	3.567.537	5.725.139	9.972.701	3.013.321
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-
Số đầu năm	81.143.999	78.887.044	4.028.106	8.137.472	2.191.644	2.973.962
Trong nước	81.143.999	78.887.044	4.028.106	8.137.472	2.191.644	2.973.962
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-

IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Tổng quan

Hoạt động của Ngân hàng phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổng thể về việc hướng dẫn, giám sát, nhận định về rủi ro và đảm bảo duy trì một nền văn hóa quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm trong việc xây dựng các mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Ngân hàng, bao gồm việc thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, các hạn mức rủi ro và các quy định về phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được thực hiện bởi các phòng, ban, trung tâm có liên quan theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng thực hiện công tác quản lý rủi ro hàng ngày tại Ngân hàng dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cùng với các phòng ban khác, trung tâm khai thác, Phòng Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm phát triển hệ thống quản lý rủi ro, các công cụ và phương pháp luận để xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, Phòng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng chịu trách nhiệm soát xét độc lập việc quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát của Ngân hàng.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Ngân hàng không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Ngân hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng.

Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ như: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; xếp hạng tín dụng; quy định về hạn mức tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Ngân hàng quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của NHNN. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Mức độ tập trung rủi ro của tài sản tài chính có rủi ro tín dụng

Các tài sản tài chính phi phái sinh phân loại theo khu vực địa lý được trình bày tại thuyết minh số X.

Tổng mức tối đa có rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính trên Báo cáo tình hình tài chính riêng cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác.

Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Ngân hàng:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc Báo cáo tình hình tài chính riêng		
Tiền gửi tại NHNN	5.803.001	4.207.486
Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác	16.164.800	15.504.604
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	224.532	-
Cho vay khách hàng – gộp	71.587.702	61.431.909
Chứng khoán đầu tư – gộp	3.013.321	2.973.962
Các khoản lãi, phí phải thu	1.806.299	1.393.393
Các tài sản tài chính khác – gộp	3.235.367	5.239.667
Cộng	101.835.022	90.751.021
Mức độ rủi ro tín dụng của các tài khoản ngoại bảng		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C – gộp	4.004.158	4.005.233
Bảo lãnh khác – gộp	1.718.919	4.129.036
Cộng	5.723.077	8.134.269

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gần liền với các khoản nợ tài chính.

Chiến lược của Ngân hàng trong quản lý rủi ro thanh khoản là Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng, các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Ngân hàng đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của NHNN;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho Ngân hàng thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của Ngân hàng.



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn					Cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	602.139	-	-	-	-	602.139
Tiền gửi tại NHNN	-	-	5.803.001	-	-	-	-	5.803.001
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	16.164.800	-	-	-	-	16.164.800
Cho vay khách hàng (*)	1.334.725	834.107	4.588.919	10.513.353	23.399.255	24.476.364	6.440.979	71.587.702
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	224.532	-	-	-	-	224.532
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	3.013.321	3.013.321
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	500.000	500.000
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	608.482	47	3.060	38.725	731.403	1.381.717
Các tài sản Có khác (*)	57.103	-	1.806.299	3.716.964	-	-	-	5.580.366
Tổng tài sản	1.391.828	834.107	29.798.172	14.230.364	23.402.315	24.515.089	10.685.703	104.857.578

Nợ phải trả

Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	15.867.227	-	-	7.601	609	15.875.437
Tiền gửi của khách hàng	-	-	18.190.108	15.441.131	23.638.781	14.927.009	6.979	72.204.008
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	67.537	3.500.000	3.567.537
Các khoản nợ khác	-	-	3.525.701	-	-	-	-	3.525.701
Tổng nợ phải trả	-	-	37.583.036	15.441.131	23.638.781	15.002.147	3.507.588	95.172.683

Chênh lệch thanh khoản ròng

Chênh lệch thanh khoản ròng	1.391.828	834.107	(7.784.864)	(1.210.767)	(236.466)	9.512.942	7.178.115	9.684.895
------------------------------------	------------------	----------------	--------------------	--------------------	------------------	------------------	------------------	------------------

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn			Trong hạn				
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	538.410	-	-	-	-	538.410
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.207.486	-	-	-	-	4.207.486
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	14.997.374	507.230	-	-	-	15.504.604
Cho vay khách hàng (*)	1.240.575	837.674	4.398.566	8.757.328	27.241.286	16.240.335	2.716.145	61.431.909
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	2.973.962	2.973.962
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	500.000	500.000
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	603.596	12	4.706	51.213	754.704	1.414.231
Các tài sản Có khác (*)	57.461	-	1.393.393	5.549.108	-	-	-	6.999.962
Tổng tài sản	1.298.036	837.674	26.138.825	14.813.678	27.245.992	16.291.548	6.944.811	93.570.564
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	14.610.205	507.080	-	7.601	661	15.125.547
Tiền gửi của khách hàng	-	-	16.287.960	17.526.469	29.475.778	470.363	927	63.761.497
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	112.476	-	-	-	-	112.476
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	1.928.156	-	2.099.950	4.028.106
Các khoản nợ khác	-	-	2.888.800	-	-	-	-	2.888.800
Tổng nợ phải trả	-	-	33.899.441	18.033.549	31.403.934	477.964	2.101.538	85.916.426
Chênh lệch thanh khoản ròng	1.298.036	837.674	(7.760.616)	(3.219.871)	(4.157.942)	15.813.584	4.843.273	7.654.138

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. **Rủi ro thị trường**

Ngân hàng chịu rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung, từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tín dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Ngân hàng gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Ngân hàng đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn,...

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Ngân hàng đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALCO nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản Nợ - tài sản Có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:

- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này có thể cho phép Ngân hàng có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của NHNN.



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Tài sản	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	602.139	-	-	-	-	-	-	602.139
Tiền gửi tại NHNN	-	-	5.803.001	-	-	-	-	-	5.803.001
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	16.164.800	-	-	-	-	-	16.164.800
Cho vay khách hàng (*)	2.168.832	-	4.588.919	10.513.353	9.101.948	14.297.307	24.476.364	6.440.979	71.587.702
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	224.532	-	-	-	-	-	224.532
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	-	3.013.321	3.013.321
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	500.000
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	1.381.717
Các tài sản Có khác (*)	57.103	5.523.263	-	-	-	-	-	-	5.580.366
Tổng tài sản	2.225.935	8.007.119	26.781.252	10.513.353	9.101.948	14.297.307	24.476.364	9.454.300	104.857.578
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	15.867.227	-	-	-	7.601	609	15.875.437
Tiền gửi của khách hàng	-	-	18.190.108	15.441.131	14.483.242	9.155.538	14.927.009	6.980	72.204.008
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	67.537	3.500.000	3.567.537
Các khoản nợ khác	-	3.525.701	-	-	-	-	-	-	3.525.701
Tổng nợ phải trả	-	3.525.701	34.057.335	15.441.131	14.483.242	9.155.538	15.002.147	3.507.589	95.172.683
Mức chênh lệch cam với lãi suất – nội bảng	2.225.935	4.481.418	(7.276.083)	(4.927.778)	(5.381.294)	5.141.769	9.474.217	5.946.711	9.684.895
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	(5.723.077)	-	-	-	-	-	-	(5.723.077)
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	2.225.935	(1.241.659)	(7.276.083)	(4.927.778)	(5.381.294)	5.141.769	9.474.217	5.946.711	3.961.818

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Tài sản					Cộng
			Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	538.410	-	-	-	-	-	538.410
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	4.207.486	-	-	-	-	4.207.486
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	14.997.374	507.230	-	-	-	15.504.604
Cho vay khách hàng (*)	2.078.249	-	4.398.566	8.757.328	9.354.532	17.886.754	2.716.145	61.431.909
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	2.973.962	2.973.962
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	500.000	-	-	-	-	-	500.000
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.414.231	-	-	-	-	-	1.414.231
Các tài sản Có khác (*)	57.461	6.942.501	-	-	-	-	-	6.999.962
Tổng tài sản	2.135.710	9.395.142	23.603.426	9.264.558	9.354.532	17.886.754	5.690.107	93.570.564
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	14.610.205	507.080	-	-	7.601	15.125.547
Tiền gửi của khách hàng	-	-	15.810.254	18.004.175	19.388.892	10.086.886	470.363	63.761.497
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác (*)	-	-	112.476	-	-	-	-	112.476
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	1.928.156	2.099.950	4.028.106
Các khoản nợ khác	-	2.888.800	-	-	-	-	-	2.888.800
Tổng nợ phải trả	-	2.888.800	30.532.935	18.511.255	19.388.892	12.015.042	2.101.538	85.916.426
Mức chênh lệch cam với lãi suất – nội bảng	2.135.710	6.506.342	(6.929.509)	(9.246.697)	(10.034.360)	5.871.712	3.588.569	7.654.138
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	(8.134.269)	-	-	-	-	-	(8.134.269)
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	2.135.710	(1.627.927)	(6.929.509)	(9.246.697)	(10.034.360)	5.871.712	3.588.569	(480.131)

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



NGÂN HÀNG TMCP KIỀM LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các ngoại tệ khác.

Chiến lược của Ngân hàng trong quản lý rủi ro tiền tệ là đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra, Ngân hàng còn sử dụng các công cụ khác như: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Ngân hàng đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của NHNN;
- Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	21.851	1.371	36	23.258
Tiền gửi tại NHNN	913.897	-	-	913.897
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	564.032	1.692	10.463.540	11.029.264
Cho vay khách hàng (*)	2.407	-	-	2.407
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(14.708.782)	-	-	(14.708.782)
Tổng tài sản	(13.206.595)	3.063	10.463.576	(2.739.956)
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	15	-	-	15
Tiền gửi của khách hàng	64.004	875	204	65.083
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	64.019	875	204	65.098
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(13.270.614)	2.188	10.463.372	(2.805.054)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(13.270.614)	2.188	10.463.372	(2.805.054)

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	19.063	1.409	90	20.562
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5.142	-	-	5.142
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	3.049.861	2.188	7.485	3.059.534
Cho vay khách hàng (*)	164.405	-	-	164.405
Tổng tài sản	3.238.471	3.597	7.575	3.249.643
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	2.709.901	-	-	2.709.901
Tiền gửi của khách hàng	52.332	536	111	52.979
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(2.304.120)	-	-	(2.304.120)
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	458.113	536	111	458.760
Trạng thái tiền tệ nội bảng	2.780.358	3.061	7.464	2.790.883
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	2.780.358	3.061	7.464	2.790.883

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng đang thế chấp các giấy tờ có giá tại NHNN với giá trị 75.000 triệu VND (số đầu năm là 75.000 triệu VND) (xem thuyết minh số V.6).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.3. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

6. Tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	602.139	-	538.410	-
Tiền gửi tại NHNN	5.803.001	-	4.207.486	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	16.164.800	-	15.504.604	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	224.532	-	-	-
Cho vay khách hàng	71.587.702	(1.174.210)	61.431.909	(980.347)
Chứng khoán đầu tư	3.013.321	-	2.973.962	-
Các khoản lãi, phí phải thu	1.806.299	-	1.393.393	-
Các tài sản Có khác	3.774.067	(127.938)	5.606.569	(97.910)
Cộng	102.975.861	(1.302.148)	91.656.333	(1.078.257)



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi và vay các TCTD khác	15.875.437	15.125.547
Tiền gửi của khách hàng	72.204.008	63.761.497
Phát hành giấy tờ có giá	3.567.537	4.028.106
Công cụ tài chính phải sinh và các tài sản nợ khác	-	112.476
Các khoản lãi, phí phải trả	1.393.293	1.009.703
Các khoản nợ khác	1.331.315	1.331.411
Cộng	94.371.590	85.368.740

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa xác định được vì các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD và các quy định của NHNN chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

X. BÁO CÁO BỘ PHẬN

1. Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin về kết quả hoạt động của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Ngân hàng như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Thu nhập	1.461.648	1.081.059	1.238.088	969.713	7.816.600	6.712.268	(416.229)	(406.962)	10.100.107	8.356.078
1. Thu nhập lãi	1.013.127	875.775	1.151.756	897.240	6.648.482	5.745.193	(416.229)	(406.962)	8.397.136	7.111.246
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	375.814	164.981	36.516	37.337	520.468	354.304	-	-	932.798	556.622
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	72.707	40.303	49.816	35.136	647.650	612.771	-	-	770.173	688.210
II. Chi phí	556.806	613.008	1.025.310	824.700	5.793.652	5.392.391	(416.229)	(406.962)	6.959.539	6.423.137
1. Chi phí lãi	412.433	487.975	801.475	626.589	3.848.151	3.230.659	(416.229)	(406.962)	4.645.830	3.938.261
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	1.115	831	8.420	7.374	68.877	73.200	-	-	78.412	81.405
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	143.258	124.202	215.415	190.737	1.876.624	2.088.532	-	-	2.235.297	2.403.471
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	904.842	468.051	212.778	145.013	2.022.948	1.319.877	-	-	3.140.568	1.932.941
Chi phí dự phòng rủi ro	45.285	69.472	64.880	82.621	713.564	670.855	-	-	823.729	822.948
Kết quả kinh doanh bộ phận	859.557	398.579	147.898	62.392	1.309.384	649.022	-	-	2.316.839	1.109.993



NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Ngân hàng như sau:

	Miền Bắc			Miền Trung			Miền Nam			Điều chỉnh			Cộng		
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số đầu năm
I. Tài sản	10.080.679	8.401.477	14.446.482	7.647.444	79.028.269	76.443.386	-	-	-	-	-	-	103.555.430	92.492.307	92.492.307
1. Tiền mặt	40.901	35.016	103.866	83.790	457.372	419.604	-	-	-	-	-	-	602.139	538.410	538.410
2. Tài sản cố định	7.951	5.076	240.174	233.737	1.133.592	1.175.418	-	-	-	-	-	-	1.381.717	1.414.231	1.414.231
3. Tài sản khác	10.031.827	8.361.385	14.102.442	7.329.917	77.437.305	74.848.364	-	-	-	-	-	-	101.571.574	90.539.666	90.539.666
II. Nợ phải trả	9.221.122	8.000.740	14.298.582	13.262.876	71.652.979	64.652.810	-	-	-	-	-	-	95.172.683	85.916.426	85.916.426
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	9.092.529	7.997.982	14.293.132	13.261.199	69.654.614	62.778.148	-	-	-	-	-	-	93.040.275	84.037.329	84.037.329
2. Nợ phải trả khác	128.593	2.758	5.450	1.677	1.998.365	1.874.662	-	-	-	-	-	-	2.132.408	1.879.097	1.879.097

2. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Ngân hàng chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận thứ yếu trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Ngân hàng.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

XI. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	103.603	71.237
Trong vòng 2 đến 5 năm	190.409	134.504
Trên 5 năm	44.056	6.566
Cộng	338.068	212.307

XII. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Rạch Giá, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập

Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát

Vũ Đặng Xuân Vinh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Minh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

